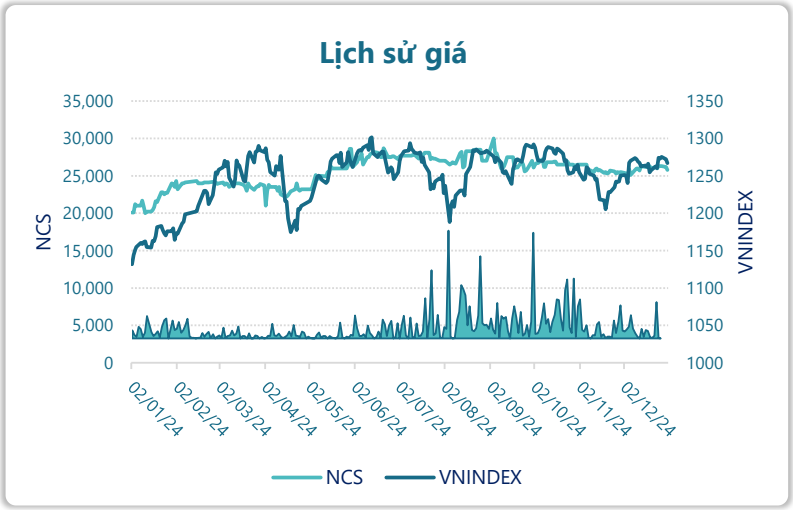
FireAnt

CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài (UPCOM: NCS)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,000
SL cổ phiếu LH	17,948,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,665
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	463
P/E	8.5
EPS	3,048

DT thuần

Q4/24

194

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.00| -2.1%

YoY: ▲ 27.0| 16.0%

LN sau thuế

Q4/24

12.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.80| -12.3%

YoY: ▼3.30| -20.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.9%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2024

732

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 118| 19.3%

LN sau thuế

2024

54.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.60| 18.6%

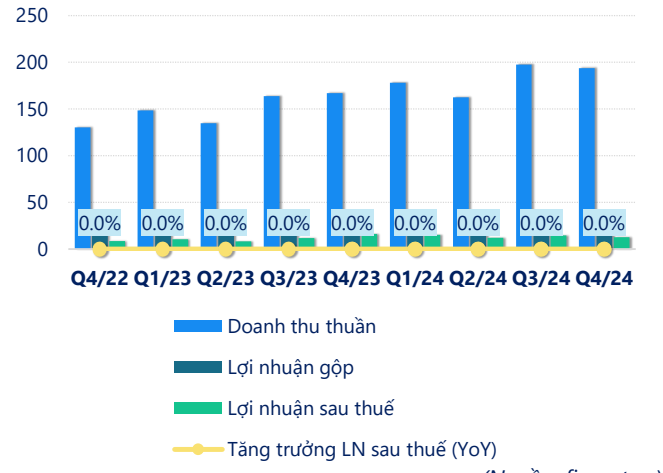
ROE

2024

35.3%

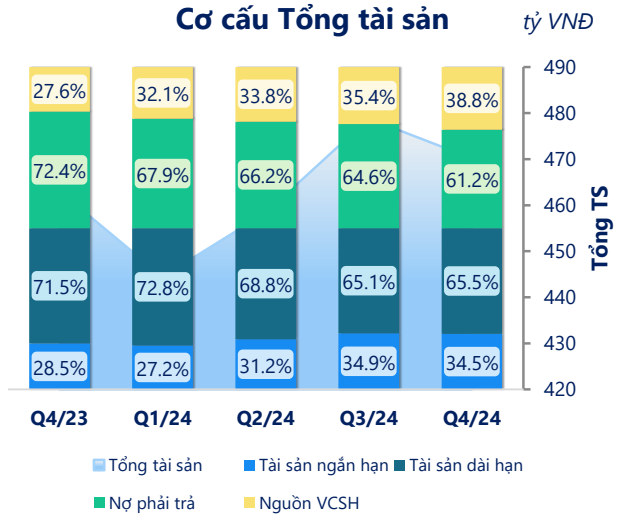
+/- YoY: ▼ 8.8%

Kết quả kinh doanh



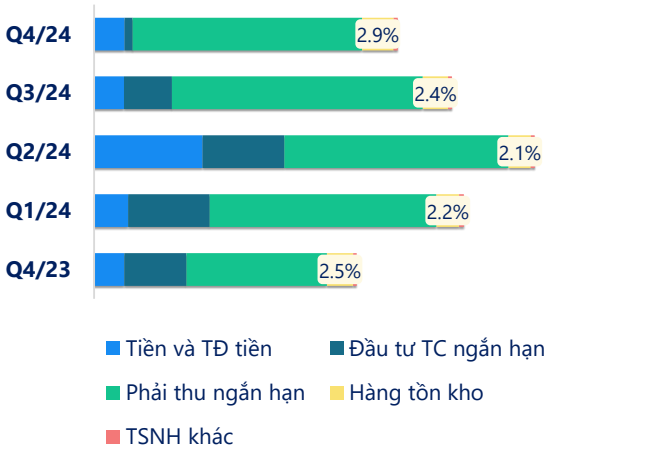
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



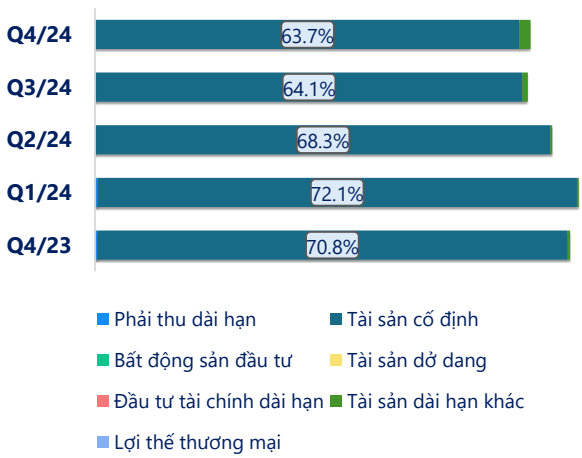
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



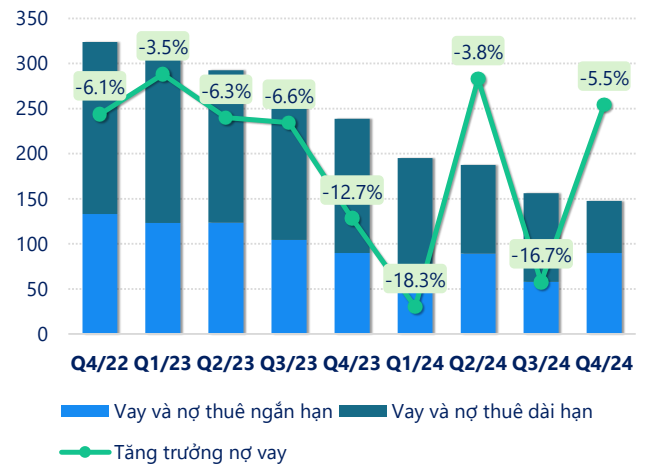
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



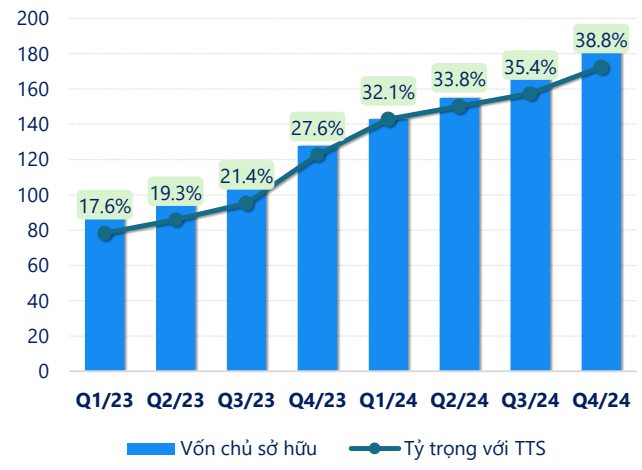
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



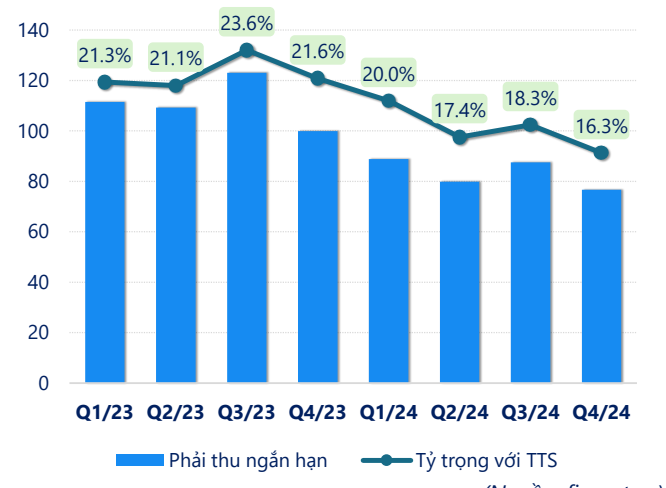
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



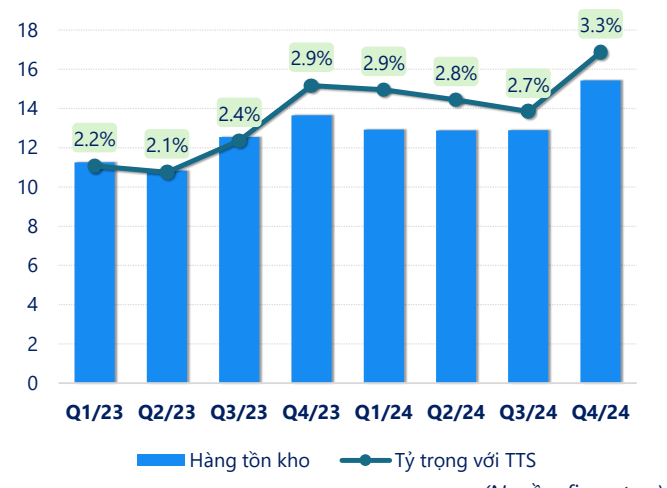
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



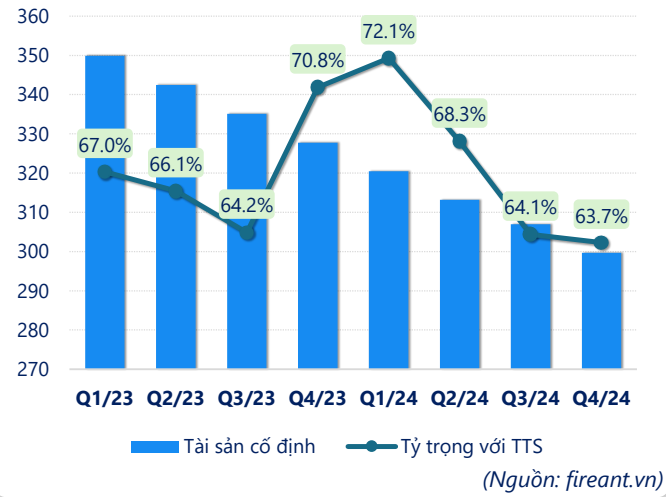
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



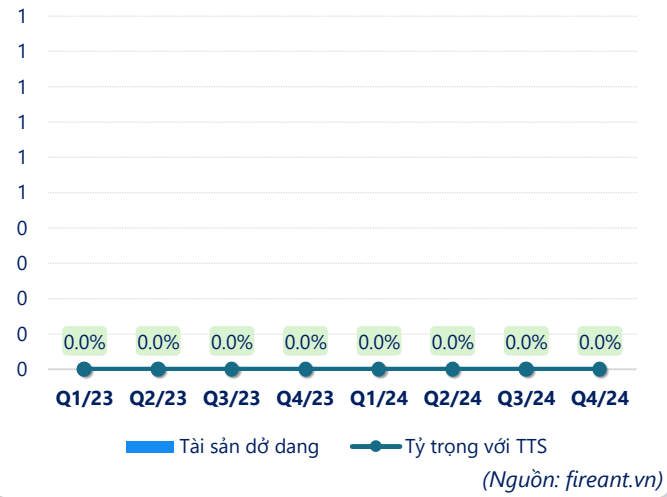
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



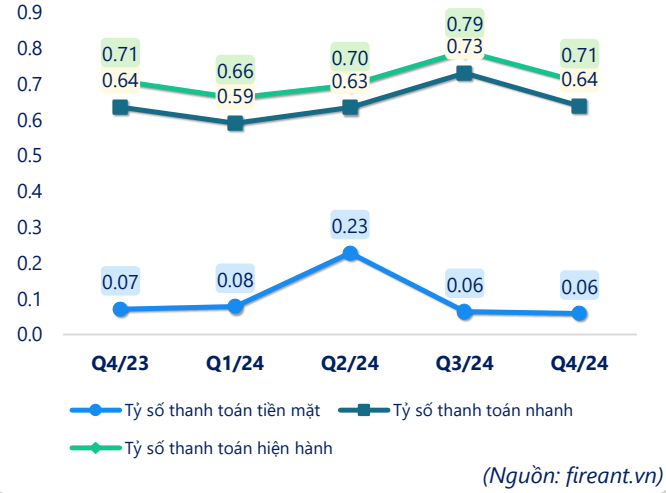
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



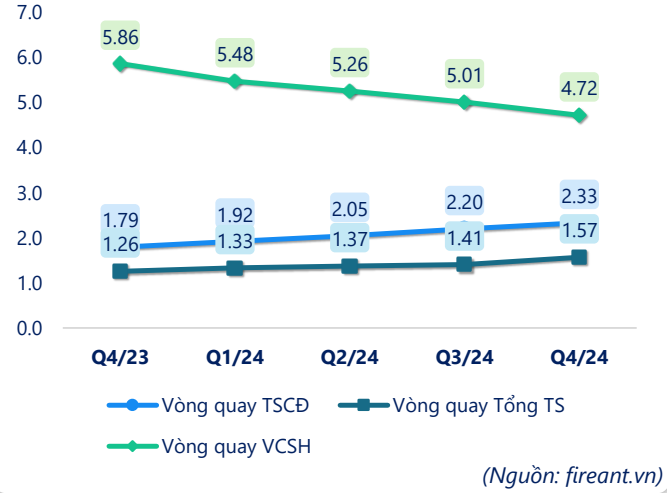
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**463**	**444**	**458**	**479**	**470**
Tài sản ngắn hạn	**132**	**121**	**143**	**167**	**162**
Tiền và tương đương tiền	13.2	14.3	46.7	13.5	13.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.50	3.50	3.50	53.0	53.0
Phải thu ngắn hạn	99.9	88.9	79.9	87.6	76.6
Hàng tồn kho	13.7	12.9	12.9	12.9	15.4
Tài sản ngắn hạn khác	1.85	1.48	0	0	3.60
Tài sản dài hạn	**331**	**323**	**315**	**312**	**308**
Phải thu dài hạn	1.53	1.76	0.72	0.72	0.56
Tài sản cố định	328	320	313	307	300
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.68	1.22	1.49	4.21	7.77
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**335**	**302**	**303**	**309**	**288**
Nợ ngắn hạn	**186**	**183**	**205**	**211**	**230**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.9	76.5	89.2	57.9	89.8
Phải trả người bán ngắn hạn	60.9	54.9	47.0	58.5	73.2
Nợ dài hạn	149	119	98.3	98.3	57.9
Vay và nợ thuê dài hạn	149	119	98.3	98.3	57.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**128**	**143**	**155**	**170**	**183**
Vốn chủ sở hữu	**128**	**143**	**155**	**170**	**183**
Vốn điều lệ	179	179	179	179	179
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)